

Số: 557/2019/QĐST-HNGĐ

Cầu Giấy, ngày 16 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ và Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 37-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 667/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” giữa:

Người yêu cầu:

1. Anh Trần Anh T, sinh năm 1971;

Số hộ chiếu: B669793 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 03/05/2012;

HKTT: B32 nhà A2 tập thể C, phường L, quận Đ, Hà Nội;

Đăng ký tạm trú và chỗ ở: Số 26 ngõ 10 N, phường H, quận G, thành phố Hà Nội.

2. Chị Vũ Thị M, sinh năm 1975;

Số CMND số 012700742 cấp ngày 03/01/2012 tại Hà Nội;

HKTT: B32 nhà A2 tập thể C, L, quận Đ, Hà Nội;

Đăng ký tạm trú và chỗ ở: Số 26 ngõ 10 N, phường H, quận G, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Anh T và chị Vũ Thị M đăng ký kết hôn ngày 04/03/2001 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã tự hòa giải với nhau nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn không được cải thiện, vợ chồng không thể hòa hợp và không còn yêu thương nhau nữa. Nay anh chị xác định tình cảm không còn, vì vậy anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn để ổn định lại cuộc sống.

[2] Về con chung: Anh Trần Anh T và chị Vũ Thị M có 02 con chung là cháu Trần Vũ Bảo L1 (giới tính nữ), sinh ngày 03/06/2002 và cháu Trần Vũ Minh Q (giới tính nam), sinh ngày 15/01/2008. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: Giao cả hai cháu Trần Vũ Bảo L1 và cháu Trần Vũ Minh Q cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng/cháu (*hai triệu đồng/tháng/cháu*) kể từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu Trần Vũ Bảo Linh, cháu Trần Vũ Minh Q đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Anh T và chị Vũ Thị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Trần Anh T và chị Vũ Thị M xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Trần Anh T tự nguyện nhận nộp cả 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Anh T và chị Vũ Thị M.

- **Về con chung:** Anh Trần Anh T và chị Vũ Thị M có 02 con chung là cháu Trần Vũ Bảo L1(giới tính nữ), sinh ngày 03/06/2002 và cháu Trần Vũ Minh Q (giới tính nam), sinh ngày 15/01/2008. Giao cả hai cháu Trần Vũ Bảo L1 và cháu Trần Vũ Minh Q cho anh Trần Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng/cháu (*hai triệu đồng/tháng/cháu*) kể từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu Trần Vũ Bảo Linh, cháu Trần Vũ Minh Q đủ 18 tuổi.

Chị Vũ Thị M có quyền đi lại chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Anh T và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tòa không xem xét.

- **Về nợ chung:** Anh T và chị M xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên tòa không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Anh T tự nguyện nhận nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp tạm ứng lệ phí tại biên lai số AA/2018/0003077 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.G;
- Chi cục THADS Q.G;
- UBND phường N, Q.B, TP. Hà Nội
(GCNKH số 11, quyển số 01/2001);
- Lưu HS, VP.

Tạ Thị Thu Hương